

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2019
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tường Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Khuyến, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Lã Văn L** - sinh năm 1990

Nguyên quán và nơi ĐKKHKT: thôn TB, xã LH, huyện UH, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Chị **Trần Thị H**- sinh năm 1991

Nguyên quán: thôn TK, xã ĐB, huyện UH, thành phố Hà Nội. Nơi ĐKKHKT: thôn TB, xã LH, huyện UH, TP Hà Nội.

(Anh L có đơn xin vắng mặt; chị H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, anh Lã Văn L là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Trần Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LH năm 2011. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn nhưng chủ yếu chỉ là mâu thuẫn về đường ăn ý ở, chị H có thái độ không tôn trọng anh và bố mẹ anh, chị H thường xuyên xưng hô "mày- tao" với chồng và anh em gia đình nhà chồng. Chị H chưa làm tròn bổn phận của một người con dâu, người vợ cũng như người mẹ trong gia đình; chị H không quan tâm, chăm sóc con chung; năm 2015 anh bắt gặp chị H cùng người đàn ông khác đang quan hệ bất chính với

nhau, về nhà anh vẫn nói chuyện nhẹ nhàng với chị H, chị H có nói chuyện xin anh bỏ qua, nghĩ vì thương con nên anh vẫn chấp nhận, tuy nhiên chị H vẫn không thay đổi, thường xuyên quan hệ với nhiều người đàn ông khác nữa và mọi người trong xóm, làng, bạn bè đều biết. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên hai vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy anh không còn tình cảm với chị H, anh không thể tiếp tục sống chung, nên anh xin được ly hôn chị H.

Về con chung: anh và chị H có 02 con chung: Lã Minh D, sinh ngày 15/5/2012 và Lã Mai T, sinh ngày 09/4/2014. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị H: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2019, chính quyền địa phương xã LH cung cấp: chị Trần Thị H là người ở thôn TK, xã DB, huyện UH, thành phố Hà Nội kết hôn với anh Lã Văn L và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LH ngày 03/6/2011. Sau khi kết hôn, chị H chuyển hộ khẩu và về chung sống với anh L ở nhà anh L và bố mẹ anh L ở thôn TB, xã LH, huyện UH. Chị H đi làm ở khu công nghiệp Đồng Văn, tỉnh Hà Nam, anh L lao động tự do và hay đi xa nhà. Chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên hai vợ chồng anh L chị H phát sinh mâu thuẫn. Bố mẹ chị H cũng có lần phải dẫn chị H về gia đình anh L nói chuyện xin lỗi và xin cho chị H quay về nhưng chị H không quay về mà bỏ đi khỏi nhà anh L từ cách đây 02 năm. Chị H và anh L sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị H không thông báo gì với chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không biết hiện nay chị H đang cư trú ở đâu, bao giờ thì chị H quay về nên Tòa án và chính quyền địa phương không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị H. Chị H và anh L có 02 con chung Lã Minh D, sinh ngày 15/5/2012 và Lã Mai T, sinh ngày 09/4/2014. Hiện nay, cả hai con chung của anh L và chị H đều đang ở với anh L và ông bà nội. Nay anh L có đơn xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, đặc biệt là các cháu nhỏ.

Tại phiên tòa, anh L và chị H đều vắng mặt, anh L có đơn trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý

do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho anh L được ly hôn với chị H; giao cả hai con chung cho anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị H cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi mới; anh L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lã Văn L làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập chị H đến Tòa án để làm việc và hòa giải nhưng chị H không chấp hành, nên Tòa án đã niêm yết thủ tục theo đúng quy định; anh L có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Lã Văn L và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LH ngày 03/6/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do chị H chưa làm tròn bổn phận của một người vợ, người mẹ cũng như người con dâu trong gia đình, chị H có thái độ không tôn trọng chồng và bố mẹ chồng; bên cạnh đó chị H còn có quan hệ ngoài luồng. Hai vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, anh L cương quyết xin được ly hôn với chị H; đối với chị H trong suốt quá trình hòa giải và phiên tòa chị H không đến Tòa, thể hiện bất hợp tác.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh L với chị H là căng thẳng, hôn nhân giữa hai vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của anh L, xử cho anh L được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh L và chị H có 02 con chung là Lã Minh D, sinh ngày 15/5/2012 và Lã Mai T, sinh ngày 09/4/2014. Hiện tại cả hai cháu đều đang ở với anh L.

Xét, cả hai con chung hiện đều đang ở với anh L từ khi sinh cho đến nay; chị H đã bỏ đi khỏi nhà, nên để tránh xáo trộn môi trường sống của cả hai con chung D và T, Hội đồng xét xử giao cả hai con chung Lã Minh D và Lã Mai T cho anh L là

người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị H đối với anh L cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi mới là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và công nợ chung: anh L không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: anh L phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lã Văn L được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Anh Lã Văn L và chị Trần Thị H có 02 con chung: Lã Minh D, sinh ngày 15/5/2012 và Lã Mai T, sinh ngày 09/4/2014; sau ly hôn giao cả hai con chung Lã Minh D và Lã Mai T cho anh Lã Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị H cho đến khi có yêu cầu, đề nghị mới hoặc có sự thay đổi khác. Sau ly hôn chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về tài sản, công nợ chung: anh Lã Văn L không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: anh Lã Văn L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009090 ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú./.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS UH;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đơn vị;
- Lưu hồ sơ; v/v./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
